



TỔNG CÔNG TY CP BIA – RƯỢU – NGK SÀI GÒN
CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY
Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
Điện thoại: 02923. 843 333 Fax: 02923. 843 222
Website: www.wsb-sabeco.com.vn Email: wsb@wsb-sabeco.com.vn

Số: 317/2021/WSB

Cần Thơ, ngày 13 tháng 8 năm 2021

(Công bố thông tin Báo cáo tài
chính hợp nhất bán niên 2021)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2021 đã soát xét bởi Công ty TNHH KPMG. Nội dung báo cáo bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:
<http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu HC.



Lê Đăng Khoa



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 5703000144 ngày 13 tháng 4 năm 2005
Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Neo Gim Siong Bennett Ông Trần Nguyên Trung Ông Phạm Đình Hùng Ông Nguyễn Văn Đồi Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Loan Anh Ông Đoàn Tiến Dũng Ông Nguyễn Văn Doanh	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Lê Đăng Khoa Ông Phạm Minh Quân Ông Võ Văn Vân	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Neo Gim Siong Bennett Ông Lê Đăng Khoa	Chủ tịch Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Trà Nóc Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy Thành phố Cần Thơ Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00324-21-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		301.040.978.620	254.224.629.330
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	67.942.424.091	64.349.702.229
Tiền	111		3.592.424.091	215.702.229
Các khoản tương đương tiền	112		64.350.000.000	64.134.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		142.269.000.000	109.629.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	142.269.000.000	109.629.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.305.291.973	16.641.313.904
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	7.549.793.085	15.145.629.300
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.743.414.662	281.241.264
Phải thu ngắn hạn khác	136		3.012.084.226	1.214.443.340
Hàng tồn kho	140	10	78.051.669.398	63.503.089.236
Hàng tồn kho	141		79.704.026.942	65.280.495.802
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.652.357.544)	(1.777.406.566)
Tài sản ngắn hạn khác	150		472.593.158	101.523.961
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		472.593.158	101.523.961

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		552.605.833.963	582.942.661.952
Tài sản cố định	220		474.340.860.569	507.771.624.979
Tài sản cố định hữu hình	221	11	474.340.860.569	507.771.624.979
Nguyên giá	222		981.244.926.771	986.632.866.175
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(506.904.066.202)	(478.861.241.196)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
Bất động sản đầu tư	230	12	4.418.887.506	4.963.159.470
Nguyên giá	231		12.588.185.818	12.588.185.818
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.169.298.312)	(7.625.026.348)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.493.098.705	725.663.402
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.493.098.705	725.663.402
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8(b)	53.263.618.659	53.918.112.632
Đầu tư vào công ty liên kết	252		37.127.716.459	37.782.210.432
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.135.902.200	16.135.902.200
Tài sản dài hạn khác	260		19.089.368.524	15.564.101.469
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.376.545.758	13.486.666.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.712.822.766	2.077.434.812
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		853.646.812.583	837.167.291.282

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		169.477.187.471	164.724.599.835
Nợ ngắn hạn	310		162.837.003.600	157.642.915.964
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	19.042.794.962	12.939.303.739
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	102.558.367.233	105.776.268.829
Phải trả người lao động	314		11.391.551.492	8.818.260.153
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	10.922.668.790	4.949.236.545
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.001.770.859	9.116.749.337
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	8.919.850.264	16.043.097.361
Nợ dài hạn	330		6.640.183.871	7.081.683.871
Phải trả dài hạn khác	337		69.550.000	511.050.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	6.570.633.871	6.570.633.871
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		684.169.625.112	672.442.691.447
Vốn chủ sở hữu	410	21	684.169.625.112	672.442.691.447
Vốn cổ phần	411	22	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		320.158.679.804	308.431.746.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		268.148.839.680	236.664.265.156
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		52.009.840.124	71.767.480.983
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		853.646.812.583	837.167.291.282

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lê Đăng Khoa
 Giám đốc

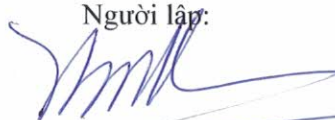
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	431.390.555.812	363.955.477.588
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	360.913.350.057	299.715.018.086
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		70.477.205.755	64.240.459.502
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	5.651.510.779	7.298.805.251
Chi phí tài chính	22		178.605.863	3.422.895.130
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		178.605.863	3.422.895.130
Phần lỗ trong công ty liên kết	24	8(b)	(654.493.973)	(664.071.906)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	11.324.361.070	8.852.762.409
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		63.971.255.628	58.599.535.308
Thu nhập khác	31		63.419.968	499.328.591
Chi phí khác	32		249.122.960	15.218.132
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(185.702.992)	484.110.459
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		63.785.552.636	59.083.645.767
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.259.226.258	7.500.796.177
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	364.612.046	(1.882.362.791)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		58.161.714.332	53.465.212.381
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.607	3.284

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		63.785.552.636	59.083.645.767
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.636.237.754	34.469.622.128
Các khoản dự phòng	03		(125.049.022)	352.511.976
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(3.759.702.664)	(5.406.998.251)
Thu nhập từ cổ tức	05		(1.891.807.000)	(1.891.807.000)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		220.956.197	(468.181.818)
Phần lỗ trong công ty liên kết	05		654.493.973	664.071.906
Chi phí lãi vay	06		178.605.863	3.422.895.130
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		93.699.287.737	90.225.759.838
Biến động các khoản phải thu	09		6.478.026.145	(12.388.954.830)
Biến động hàng tồn kho	10		(14.423.531.140)	9.998.199.009
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		11.462.756.557	20.663.620.932
Biến động chi phí trả trước	12		(4.260.948.298)	1.074.762.769
			92.955.591.001	109.573.387.718
Tiền lãi vay đã trả	14		(178.605.863)	(3.606.102.367)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.056.270.122)	(11.129.780.133)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.740.988.171)	(11.901.506.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.979.726.845	82.935.998.281
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.797.042.978)	(6.084.904.570)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		119.090.909	610.909.091
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(84.000.000.000)	(40.550.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		51.360.000.000	68.250.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.185.107.086	8.289.470.514
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.132.844.983)	30.515.475.035

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

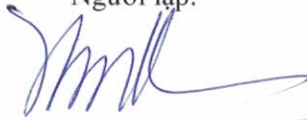
Công ty Cổ phần Bira Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		163.020.000.000	224.142.636.012
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(163.020.000.000)	(352.936.805.386)
Tiền chi trả cổ tức	36		(43.254.160.000)	(43.104.991.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.254.160.000)	(171.899.160.374)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		3.592.721.862	(58.447.687.058)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		64.349.702.229	58.872.513.246
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7	67.942.424.091	424.826.188

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát và nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2021	1/1/2021
Công ty con sở hữu trực tiếp Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty có 210 nhân viên (1/1/2021: 211 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

C Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty và công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 38 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 2 – 10 năm |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 8 – 25 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty và công ty con. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam trong giai đoạn gần đây và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	170.495.700	187.113.400
Tiền gửi ngân hàng	3.421.928.391	28.588.829
Các khoản tương đương tiền	64.350.000.000	64.134.000.000
	<hr/>	<hr/>
	67.942.424.091	64.349.702.229

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,2% đến 3,7% một năm (1/1/2021: 3,0% đến 4,6% một năm).

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 5,1% một năm (1/1/2021: 3,9% đến 6,3% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2021					1/1/2021				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:										
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	37.127.716.459	-	25.122.240.000	2.402.400	20,00%	37.782.210.432	-	28.108.080.000
Các đơn vị khác:										
• Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (**)	159.566	0,05%	2.155.186.800	-	4.092.867.900	145.060	0,05%	2.155.186.800	-	(*)
			<u>53.263.618.659</u>	-				<u>53.918.112.632</u>	-	

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ngày 4 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty nhận được thông báo chính thức của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC (“DCD”), công ty mà Nhóm Công ty đầu tư vào, thông báo DCD được sát nhập vào Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng (“DIG”), và do đó cổ phiếu của DCD không còn được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội. Nhóm Công ty được quyền hoán đổi cổ phiếu của DCD vào cổ phiếu của DIG theo tỷ lệ 1:1. Thủ tục hoán đổi được hoàn thành vào ngày 11 tháng 5 năm 2021. Trong kỳ, Nhóm Công ty cũng nhận được cổ tức bằng cổ phiếu từ DIG với tỷ lệ là 10%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	37.782.210.432	39.669.672.622
Phần lỗ trong công ty liên kết	(654.493.973)	(664.071.906)
Cổ tức được chia	-	(2.402.400.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	37.127.716.459	36.603.200.716

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn chủ sở hữu	Lỗ thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	282.468.575.161	96.829.992.862	185.638.582.299	(2.858.779.242)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	326.512.859.170	143.496.855.588	183.016.003.582	(3.320.359.531)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.830.652.962	15.010.203.450
Các khách hàng khác	719.140.123	135.425.850
	<hr/>	<hr/>
	7.549.793.085	15.145.629.300
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.830.652.962	15.010.203.450
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	13.100.000	-
Nguyên vật liệu	23.976.158.391	-	22.455.190.906	-
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	6.327.027.393	(1.652.357.544)	5.798.963.974	(1.777.406.566)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.585.510.369	-	25.036.030.448	-
Thành phẩm	23.774.144.878	-	11.617.538.324	-
Hàng hóa	41.185.911	-	359.672.150	-
	79.704.026.942	(1.652.357.544)	65.280.495.802	(1.777.406.566)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 1.652 triệu VND (1/1/2021: 1.777 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	1.777.406.566	2.390.987.477
Dự phòng trích lập trong kỳ	204.291.780	761.361.691
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(329.340.802)	(408.849.715)
Số dư cuối kỳ	1.652.357.544	2.743.499.453

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	172.990.864.629	783.700.067.476	13.562.788.648	16.379.145.422	986.632.866.175
Tăng trong kỳ	40.209.076	59.948.501	1.172.000.000	240.000.000	1.512.157.577
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(510.909.091)	-	-	(510.909.091)
Thanh lý	-	(6.289.600.269)	-	(99.587.621)	(6.389.187.890)
Số dư cuối kỳ	173.031.073.705	776.959.506.617	14.734.788.648	16.519.557.801	981.244.926.771
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	61.632.951.548	396.326.970.092	9.338.522.216	11.562.797.340	478.861.241.196
Khấu hao trong kỳ	4.226.182.339	28.585.957.740	566.953.441	712.872.270	34.091.965.790
Thanh lý	-	(5.949.553.163)	-	(99.587.621)	(6.049.140.784)
Số dư cuối kỳ	65.859.133.887	418.963.374.669	9.905.475.657	12.176.081.989	506.904.066.202
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	111.357.913.081	387.373.097.384	4.224.266.432	4.816.348.082	507.771.624.979
Số dư cuối kỳ	107.171.939.818	357.996.131.948	4.829.312.991	4.343.475.812	474.340.860.569

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là tài sản có nguyên giá 51.246 triệu VND (1/1/2021: 55.389 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 177.725 triệu VND (1/1/2021: 195.982 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.588.185.818
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.625.026.348
Khấu hao trong kỳ	544.271.964
Số dư cuối kỳ	8.169.298.312
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.963.159.470
Số dư cuối kỳ	4.418.887.506

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Bao bì luân chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	11.622.836.647	985.338.824	878.491.186	13.486.666.657
Tăng trong kỳ	748.952.953	2.723.896.451	1.791.600.000	5.264.449.404
Phân bổ trong kỳ	(395.553.184)	(314.168.779)	(664.848.340)	(1.374.570.303)
Số dư cuối kỳ	11.976.236.416	3.395.066.496	2.005.242.846	17.376.545.758

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.308.767.957	2.880.160.877
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	2.751.599.160	2.662.116.720
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	1.970.760.000	-
Các nhà cung cấp khác	8.011.667.845	7.397.026.142
	19.042.794.962	12.939.303.739

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.308.767.957	2.880.160.877
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	1.970.760.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	29.106.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	20.240.000	-

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.414.146.652	396.663.497.434	(425.382.859.806)	58.694.784.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.045.626.182	5.259.226.258	(6.056.270.122)	5.248.582.318
Thuế giá trị gia tăng	11.739.502.546	82.404.490.252	(55.574.991.476)	38.569.001.322
Thuế thu nhập cá nhân	576.993.449	2.039.952.496	(2.570.946.632)	45.999.313
Thuế xuất nhập khẩu	-	11.331.105	(11.331.105)	-
Tiền thuê đất	-	781.516.125	(781.516.125)	-
Các loại thuế khác	-	6.088.000	(6.088.000)	-
	<u>105.776.268.829</u>	<u>487.166.101.670</u>	<u>(490.384.003.266)</u>	<u>102.558.367.233</u>

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Mua công cụ và dụng cụ nhưng chưa có hóa đơn	2.826.228.643	-
Chi phí bảo trì	1.206.122.066	1.190.521.183
Chi phí thưởng	993.976.169	312.111.130
Phí sử dụng vỏ chai	846.063.566	-
Chi phí phải trả khác	5.050.278.346	3.446.604.232
	<u>10.922.668.790</u>	<u>4.949.236.545</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	4.115.922.808	3.870.082.808
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.234.021.339	613.243.320
Phải trả khác	4.651.826.712	4.633.423.209
	<u>10.001.770.859</u>	<u>9.116.749.337</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2021	Biến động trong năm		30/6/2021
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	-	163.020.000.000	(163.020.000.000)	-

- (*) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 55.000 triệu VND và chịu lãi suất từ 4,5% đến 4,8% một năm. Khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng của Nhóm Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 177.725 triệu VND (1/1/2021: 195.982 triệu VND) (Thuyết minh 11). Thời hạn cho vay tối đa của từng khoản vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay ngắn hạn không có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	16.043.097.361	14.934.879.298
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	5.856.652.903	5.846.675.393
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	(3.238.911.829)	-
Sử dụng trong kỳ	(9.740.988.171)	(11.867.681.937)
Số dư cuối kỳ	8.919.850.264	8.913.872.754

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.570.633.871	6.604.458.871
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(33.825.000)
Số dư cuối kỳ	6.570.633.871	6.570.633.871

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	145.000.000.000	219.010.945.308	280.538.744.572	644.549.689.880
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	53.465.212.381	53.465.212.381
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(5.846.675.393)	(5.846.675.393)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(272.827.752)	(272.827.752)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(374.479.416)	(374.479.416)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2020	145.000.000.000	219.010.945.308	284.009.974.392	648.020.919.700
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	60.861.521.293	60.861.521.293
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.153.324.607)	(7.153.324.607)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(286.424.939)	(286.424.939)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	308.431.746.139	672.442.691.447
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	58.161.714.332	58.161.714.332
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(5.856.652.903)	(5.856.652.903)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	3.238.911.829	3.238.911.829
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(295.221.305)	(295.221.305)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(21.818.288)	(21.818.288)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	320.158.679.804	684.169.625.112



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020; Đại hội đồng Cổ đông quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.577.237.848	1.332.972.460
Từ hai đến năm năm	5.314.151.728	5.559.350.261
Sau năm năm	36.045.283.891	36.550.975.177
	<hr/>	<hr/>
	42.936.673.467	43.443.297.898
	<hr/>	<hr/>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.041.454.545	1.440.000.000
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	1.140.642.002
	<hr/>	<hr/>
	2.041.454.545	2.580.642.002
	<hr/>	<hr/>

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Unit	30/6/2021	1/1/2021
Chai	Chai	1.121.746	982.066
Két	Két	35.111	31.451
		<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	424.081.764.746	357.674.387.896
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	820.745.262.180	681.620.188.190
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(396.663.497.434)	(323.945.800.294)
▪ Cung cấp dịch vụ	852.768.751	780.324.784
▪ Doanh thu khác	6.456.022.315	5.500.764.908
	431.390.555.812	363.955.477.588

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	360.094.207.741	297.842.444.214
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	530.893.958	637.992.332
▪ (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(125.049.022)	352.511.976
▪ Giá vốn khác	413.297.380	882.069.564
	360.913.350.057	299.715.018.086

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Cổ tức được chia	1.891.807.000	1.891.807.000
Lãi tiền gửi	3.759.702.664	5.406.998.251
Doanh thu tài chính khác	1.115	-
	5.651.510.779	7.298.805.251

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.072.205.429	4.725.173.324
Chi phí nguyên vật liệu	215.092.453	197.240.678
Chi phí khấu hao	680.855.770	705.018.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.015.076	885.033.558
Chi phí quản lý khác	3.064.192.342	2.340.296.524
	<hr/>	<hr/>
	11.324.361.070	8.852.762.409

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	268.504.518.882	215.474.062.093
Chi phí nhân công và nhân viên	27.731.000.870	22.418.830.729
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.636.237.754	34.469.622.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.876.941.831	23.744.543.413
Chi phí khác	19.489.011.790	18.625.426.480



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Kỳ hiện hành	5.248.582.318	6.915.213.185
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	10.643.940	585.582.992
	<hr/> 5.259.226.258	<hr/> 7.500.796.177
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	364.612.046	(1.882.362.791)
	<hr/> 5.623.838.304	<hr/> 5.618.433.386

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	63.785.552.636	59.083.645.767
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.757.110.527	11.816.729.153
Chi phí không được khấu trừ thuế	156.099.079	163.701.333
Thu nhập không bị tính thuế	(378.361.400)	(378.361.400)
Ưu đãi thuế	(2.349.731.905)	(1.160.565.902)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(4.568.565.015)	(2.571.698.718)
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong những kỳ trước	(3.356.922)	(2.836.954.072)
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	10.643.940	585.582.992
	<hr/> 5.623.838.304	<hr/> 5.618.433.386

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (“Công ty con”)

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	58.161.714.332	53.465.212.381
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.856.652.903)	(5.846.675.393)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	52.305.061.429	47.618.536.988

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	820.745.262.180	682.239.772.190
Mua nguyên vật liệu	250.249.541.844	178.384.727.276
Cổ tức đã trả	22.185.000.000	22.185.000.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán hàng hóa	40.376.000	75.014.284
Cổ tức được chia	-	2.402.400.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Mua hàng hóa	-	3.272.727
Cổ tức được chia	1.891.807.000	1.891.807.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí thay thế vỏ chai	301.142.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Mua hàng hóa	1.791.600.000	-
Công ty TNHH Cơ Khí Sa Be Co		
Bán hàng hóa	-	122.591.709
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	354.832.800	625.646.720
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Mua hàng hóa	117.456.000	10.530.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	109.801.820	115.541.460
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	112.068.000	84.800.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	4.455.043.055	4.793.477.630

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	1.2659.970.000	4.275.264.186

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

